

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/9/2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly
hôn, nuôi con chung”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khon Sóc;
2. Ông Hồ Văn Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Việt, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Néang Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 132/2022/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 7, ấp Tân Lợi, xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);
2. Bị đơn: Ông Phan Văn Bé T, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 7, ấp Tân Lợi, xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản H giải tại Tòa án nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Vào năm 2009 bà và ông T quen biết nhau do tự tìm hiểu, nên chúng tôi về sống chung với nhau nhưng không có tổ chức lễ cưới đến năm 2011 thì có đăng ký kết hôn số 69/2011, quyển số 01/2011, ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 3/2016 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chồng cho rằng bà không làm ra tiền, con rể về chơi thì đuổi con đi không cho vô nhà. Ngoài ra ông T còn ghen

tuông vô cớ, chửi bà quen người này người nọ lúc có mặt bạn của bà. Nay vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay, mặc dù vợ chồng vẫn còn đang sống chung nhà toạ lạc tại tổ 7, ấp Tân Lợi, xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn. Nay tình cảm vợ chồng không còn bà H yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Bà H và ông T thống nhất có một con chung tên Phan Phú Q, sinh ngày 12/01/2012. Bà H đồng ý giao cháu Q cho ông T nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lời khai và biên bản H giải tại Tòa án bị đơn ông Phan Văn Bé T trình bày: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà H về điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian chung sống, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Nhưng riêng về mâu thuẫn thì ông không thống nhất vì ông cho rằng từ năm 2016 đến nay thì vợ chồng không có mâu thuẫn, vợ chồng không có ly thân, Ông có nhậu nhưng không nhậu thường xuyên, ông không có đánh vợ mà ngược lại bà H thường nhậu nên vợ chồng mới cự cãi. Ngoài ra vợ ông có điện thoại cho người khác và thừa nhận đang quen nhưng không có thương. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Về con chung: Ông T thống nhất có một con chung tên Phan Phú Q, sinh ngày 12/01/2012. Tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó nuôi. Ông nuôi thì ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành H giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do ông T hủn và chửi cha mẹ vợ nên bà có đánh ông T. Bà đồng ý giao cháu Q cho ông T nuôi dạy, bà không cấp dưỡng. Về con riêng bà thừa nhận có ba đứa con nhưng đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T vẫn giữ nguyên ý kiến là không đồng ý ly hôn. Ông Thừa nhận trước đây có ghen bà H quen người khác và khi nhậu vợ chồng có cự cãi và có bị vợ đánh. Ông đồng ý nuôi cháu Q và không yêu cầu cấp dưỡng. Về con riêng thì bà H thực sự có ba người con riêng đều đã trưởng thành nên ông không có ý kiến.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên còn một số quy phạm nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

Về chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Phan Văn Bé T có địa chỉ tại tổ 7, ấp Tân Lợi, xã Tân Tuyền, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Về hôn nhân: Bà H và ông T quen biết nhau do tự tìm hiểu, tuy không có tổ chức lễ cưới nhưng cả hai có đăng ký kết hôn số 69/2011, quyền số 01/2011, ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tuyền, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, do đó đây là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình.

Theo bà H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do ông T hỗn và chửi cha mẹ vợ nên vợ chồng cự cãi bà có đánh ông T, ông còn đuổi con rể ra khỏi nhà nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Còn theo ông T thì chỉ thừa nhận ông có nhậu nhưng không thường xuyên, còn bà H có nhậu và còn đánh ông, trước đây ông có ghen vợ với người khác nên vợ chồng có cự cãi. Ngoài ra cha mẹ bên vợ cũng chửi và đánh ông nhưng vợ chồng không có ly thân vẫn còn sống chung nhà. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn.

Qua xác minh tại ấp Tân Lợi, xã Tân Tuyền cho biết mâu thuẫn vợ chồng bà H ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương. Theo địa phương được biết thì vợ chồng có mâu thuẫn cách đây năm năm nhưng đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do vợ chồng thường hay đánh nhau, do ghen nên vợ chồng cự cãi và đã được H giải nhiều lần về vấn đề đánh nhau. Hiện ông T làm nghề trở cá thuê, hai vợ chồng vẫn còn sống chung nhà và đang nuôi cháu Q. Trước đây bà H có hai con riêng nhưng đã trưởng thành.

Do vợ chồng phải có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng thường cự cãi đánh nhau về vấn đề do ghen tuông nên cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng từ năm 2020 đến nay nên nhận thấy thời gian mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai vợ chồng vẫn chưa thể hàn gắn tình cảm gia đình.

Cho thấy tình trạng vợ chồng bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình H thuận hạnh phúc và bền vững mà còn kéo dài sự đau khổ cho bà H. Xét, cho bà H ly hôn với ông T là phù hợp với quy định của Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Bà Phạm Thị H và ông Phan Văn Bé T thống nhất có một con chung tên Phan Phú Q, sinh ngày 12/01/2012.

Tại phiên tòa ông T đồng ý nuôi cháu Q, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung. Bà H đồng ý giao cháu Q cho ông T tiếp tục nuôi dạy và bà H không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời tại biên bản ghi lời khai ngày 08/8/2022 của cháu Q có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha.

Xét, Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung. Ông T được tiếp tục nuôi dạy cháu Phan Phú Q, sinh ngày 12/01/2012, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì đây là sự tự nguyện thỏa thuận, phù hợp pháp luật theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về con riêng*: Bà H có ba người con riêng nhưng đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Hoà và ông T cùng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*:

Bà H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch.

Ông T không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Phan Văn Bé T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2011, quyển số 01/2011, ngày 31/10/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tuyên, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung: Ông T được tiếp tục nuôi dạy cháu Phan Phú Q, sinh ngày 12/01/2012 cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Phạm Thi H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008275 ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Ông T không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền